

**II. BAÙO CAÙO KEÁT QUAÙ HOAÏT ÑOÄNG KINH DOANH**

**ÑVT: VNÑ**

<b>STT</b>	<b>CHÆ TIEÄU</b>	<b>Quyù 3/2009</b>	<b>Luõy keá</b>
1	Doanh thu baùn haøng vaø cung caáp dòch vuï	102,575,021,434	262,310,788,797
2	Caùc khoaùn giaùm trøø doanh thu	32,417,840	224,882,546
3	Doanh thu thuaàn veà baùn haøng vaø cung caáp dòch vuï	102,542,603,594	262,085,906,251
4	Gía voán haøng baùn	80,561,028,363	199,565,095,608
5	Lõii nhuaän goáp veà baùn haøng vaø cung caáp dòch vuï	21,981,575,231	62,520,810,643
6	Doanh thu hoaït ñoäng taøi chính	12,359,074,310	22,760,250,295
7	Chi phí taøi chính	427,865,728	5,042,476,708
8	Chi phí baùn haøng	3,761,670,914	8,865,372,866
9	Chi phí quaùn lyù doanh nghieäp	9,677,207,566	34,311,017,386
10	Lõii nhuaän thuaàn tồø hoaït ñoäng kinh doanh	20,473,905,333	37,062,193,978
11	Thu nhaäp khaùc	4,761,905	47,761,904
12	Chi phí khaùc	-	42,066,962
13	Lõii nhuaän khaùc	4,761,905	5,694,942
14	Toäng lõii nhuaän keá toaùn trồøuc thueá	20,478,667,238	37,067,888,920
15	Chi phí thueá thu nhaäp doanh nghieäp	5,187,048,313	9,661,039,753
16	Thueá thu nhaäp hoaøn laõi		
17	Thueá thu nhaäp ñoäic mieän giaùm	1,343,524,157	2,955,519,877
18	Thueá thu nhaäp phaùi noáp (15-17)	3,843,524,156	6,705,519,876
19	Lõii nhuaän sau thueá thu nhaäp doanh nghoèäp (14-15-16+1	16,635,143,082	30,362,369,044

Tp.Hoà Chí Minh, ngaøy 16 thaùng 10 naêm 2009

**Toäng giaùm ñoác**

*( Kyù, hoï teân)*

**Nguyeãn Ân**

Nhân vò: Công ty Cổ Phần SX-TM May Sài Gòn  
236/7 Nguyễn Văn Lỗiing P17, Q.Gò Vấp

## BAÙO CAÙO TẠØI CHÍNH HỒI NHAÁT TOÙM TẠÉT QUÝ III NỀM 2009

### I. BAÙNG CAÂN NỐÁI KẾ TOÀÙN

NVT: VNĐ

Soá TT	Tạøi saùn	SOÁ DỖ NỀÀÙ KYØ	SOÁ DỖ CUOÁI KYØ
<b>I</b>	<b>Tạøi saùn ngaén haìn</b>	<b>92,676,624,152</b>	<b>105,112,526,179</b>
1	Tieàn vaø caùc khoaùn tồng ñồng tieàn	18,482,415,921	12,766,444,035
2	Caùc khoaùn ñầu tồ tạøi chính ngaén haìn	20,000,000	10,000,000
3	Caùc khoaùn phaù thu ngaén haìn	24,523,373,564	45,049,585,604
4	Høng toàn kho	44,975,740,355	44,663,854,466
5	Tạøi saùn ngaén haìn khàuc	4,675,094,312	2,622,642,074
<b>II</b>	<b>Tạøi saùn đặi haìn</b>	<b>93,278,841,303</b>	<b>93,252,360,929</b>
1	Caùc khoaùn phaù thu đặi haìn	25,728,361	25,728,361
2	Tạøi saùn coá ñòngh	78,535,998,390	73,533,892,669
	Tạøi saùn coá ñòngh hõu hình	56,002,763,369	61,504,201,760
	Tạøi saùn coá ñòngh vờ hình	-	-
	Tạøi saùn coá ñòngh thuê tạøi chính	-	-
	Chi phí xây dõng cô bản dõ dang	22,533,235,021	12,029,690,909
3	Báat ñoàng saùn ñầu tồ	-	-
4	Caùc khoaùn ñầu tồ tạøi chính đặi haìn	13,936,250,000	18,344,500,000
	Caùc khoaùn ñầu tồ tạøi chính đặi haìn	16,867,350,000	21,275,600,000
	Dõi phoàng giẩm giẩ ñầu tồ đặi haìn (coá p	(2,931,100,000)	(2,931,100,000)
5	Tạøi saùn đặi haìn khàuc	780,864,552	1,348,239,899
<b>III</b>	<b>TOÀNG COÀNG TẠØI SAÙN</b>	<b>185,955,465,455</b>	<b>198,364,887,108</b>
<b>IV</b>	<b>Nõi phaù traù</b>	<b>73,231,906,447</b>	<b>65,025,261,626</b>
1	Nõi ngaén haìn	72,798,481,642	64,940,015,920
2	Nõi đặi haìn	433,424,805	85,245,706
<b>V</b>	<b>Nguoàn voán chuù sõ hõu</b>	<b>112,723,559,008</b>	<b>133,339,625,482</b>
<b>1</b>	<b>Voán chuù sõ hõu</b>	<b>110,077,554,380</b>	<b>133,080,487,230</b>
	Voán ñầu tồ của chuù sõ hõu	46,694,970,000	88,685,710,000
	Thaêng dõ voán coá phaàn	47,990,911,925	5,765,652,370
	Coá phiếu ngaân quyõ	(88,750,000)	(88,750,000)
	Cheánh leäch ñaùnhi giẩ lầi tạøi saùn	-	-
	Cheánh leäch tỳ giẩ hoái ñoài	-	-
	Caùc quyõ	15,399,021,575	18,354,541,452
	Lõii nhuần sau thuê chõa phaàn phoái	81,400,880	20,363,333,408
<b>2</b>	<b>Nguoàn kinh phí vaø caùc quyõ khàuc</b>	<b>2,646,004,628</b>	<b>259,138,252</b>
	Quyõ khen thờõng vaø phũc lõii	2,646,004,628	259,138,252
	Nguoàn kinh phí	-	-
	Nguoàn kinh phí ñaõ hình thaønh TSCN	-	-
<b>VI</b>	<b>TOÀNG COÀNG NGUOÀN VOÁN</b>	<b>185,955,465,455</b>	<b>198,364,887,108</b>

## KEÁT QUẢ HOẠT ỜNG KINH DOANH HỘP NHAÁT GIỮA NIEÂN Ờ

(ĐAING Ờ ẤY Ờ)

QUỖ III / 2009

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009

ĐVT: VNĐ

STT	CHẾ TIẾU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		LƯỖ KEÁ	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5	6	7
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	102,575,021,434	147,548,748,294	262,310,788,797	340,867,010,899
2	Các khoản giảm trừ	03	VI.26	32,417,840	74,302,395	224,882,546	393,893,107
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 01-03)	10	VI.27	<b>102,542,603,594</b>	<b>147,474,445,899</b>	<b>262,085,906,251</b>	<b>340,473,117,792</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	80,561,028,363	119,596,858,468	199,565,095,608	259,387,582,792
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 01-03-11)	20		<b>21,981,575,231</b>	<b>27,877,587,431</b>	<b>62,520,810,643</b>	<b>81,085,535,000</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	12,359,074,310	1,668,735,662	22,760,250,295	4,626,915,041
7	Chi phí tài chính	22	VI.30	427,865,728	3,791,173,597	5,042,476,708	7,778,483,329
	Trong đó : Lãi vay phải trả	23		328,533,885	1,375,860,132	969,642,896	2,762,585,807
8	Chi phí bán hàng	24		3,761,670,914	17,313,673,948	8,865,372,866	30,786,324,265
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,677,207,566	6,445,010,887	34,311,017,386	38,972,027,422
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ( 20+(21-22)-(24-25))	30		<b>20,473,905,333</b>	<b>1,996,464,661</b>	<b>37,062,193,978</b>	<b>8,175,615,025</b>
11	Thu nhập khác	31		4,761,905	3,181,818,182	47,761,904	14,547,215,363
12	Chi phí khác	32		-	-	42,066,962	7,022,415,634
13	Lợi nhuận khác ( 31-32)	40		<b>4,761,905</b>	<b>3,181,818,182</b>	<b>5,694,942</b>	<b>7,524,799,729</b>
14	Toảng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 30+40)	50		<b>20,478,667,238</b>	<b>5,178,282,843</b>	<b>37,067,888,920</b>	<b>15,700,414,754</b>
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.31	<b>5,187,048,313</b>	<b>1,379,927,500</b>	<b>9,661,039,753</b>	<b>4,366,674,279</b>
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
17	Thuế thu nhập hoãn miễn giảm (*)	53		<b>1,343,524,157</b>	<b>79,042,704</b>	<b>2,955,519,877</b>	<b>658,889,829</b>
18	Thuế thu nhập phải nộp (51-53)	54		<b>3,843,524,156</b>	<b>1,300,884,796</b>	<b>6,705,519,876</b>	<b>3,707,784,450</b>
19	Lợi nhuận sau thuế ( 50-51-52+53)	60		<b>16,635,143,082</b>	<b>3,877,398,047</b>	<b>30,362,369,044</b>	<b>11,992,630,304</b>

(\*) Năm 2009 Công ty tạm tính giảm 50% thuế TNDN hoãn giảm do doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán trước ngày 01/01/2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp.Hà Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2009  
Tổng giám đốc

Traàn Thò Myò Hảinh

Nguyễn Minh Hàng

Nguyễn Ân

CỔ CÁU DOANH THU LỢI NHUẬN NĂM 2009  
DTHU SX

T/ Ờ : BÌNH CHAỪNH

DTHU HDTC

213HB

TIEÂN GỒU

CỔ TỒC + CỔ PHIEÁU ỜỚC CHIA TỜ THAỪNG DỒ VỎÁN

Q1/08

**102,542,603,594**

629,714,399

**12,359,074,310**

1,835,400,000

35,604,564

318,079,000

STT	CHẾ TIEÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		LUYỆN KẾ	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	CHEÁNH LEÁCH TYÛ GIAÛ LAÏI TIEÁN VAY			756,020,036			
	<b>CHI PHÍ SX</b>			<b>93,999,906,843</b>			
	- GV			80,561,028,363			
	- BH			3,761,670,914			
	- QLDN			9,677,207,566			
	T/ NƠU : 213HB			115,980,549			
	BINH CHAÛNH			326,640,742			
	<b>CHI PHÍ TẠO CHỈNH</b>		<b>#####</b>	<b>2,717,264,299</b>			
	213HB						
	TIEÁN GỒI						
	COÁ TỒUC + COÁ PHIEÁU NŌOIC CHIA TỒØ THAËNG DỖ VOÁN						
	CHEÁNH LEÁCH TYÛ GIAÛ			2,390,835,378			
	LAÏI TIEÁN VAY			326,428,921			
	LỖI NHUAÁN TỒØ SX + CLTG			6,394,359,380			
	LỖI NHUAÁN TỒØ HỒIP TAÛC KINH DOANH			2,376,176,672			
	213HB			1,719,419,451			
	BINH CHAÛNH			303,073,657			
	TIEÁN GỒI			35,604,564			
	COÁ TỒUC + COÁ PHIEÁU NŌOIC CHIA TỒØ THAËNG DỖ VOÁN			318,079,000			
	<b>COÁÁNG LN NAËM 2009</b>			<b>8,770,536,052</b>			





CÔNG TY CỔ PHẦN SAÚN XUAÁT-THÔNG MAÏ MAY SAØI GOØN

Nhà chæ: 236/7 Nguyễn Văn Lõõing,Q.Goø Vaáp

## BAÙO CAÙO LÕU CHUYEÁN TIEÀN TEÄ HÕIP NHAÁT

(Đaĩng toùm taét)  
(Theo phõng phaùp giaùn tieáp)  
**QUYÙ III NAÊM 2009**

CHÆ TIEÄU	Maõ soá	Luõy keá tõø ñàu naêm ñeán cuoái quyù naøy	Naêm trõøuc
1	2	3	4
1. Lõu chuyeán tieàn thuaàn tõø hoaĩt ñoãng kinh doan	20	10,999,537,592	(20,982,618,880)
2. Lõu chuyeán tieàn thuaàn tõø hoaĩt ñoãng ñàu tõ	30	(10,546,861,381)	(7,360,467,286)
3.Lõu chuyeán tieàn thuaàn tõø hoaĩt ñoãng taøi chín	40	(6,168,648,097)	5,554,053,046
4. Lõu chuyeán tieàn thuaàn trong kì (50=20+30+40)	50	(5,715,971,886)	(22,789,033,120)
5.Tieàn vaø tõøng ñõng tieàn toàn ñàu kì	60	18,482,415,921	39,647,720,150
6.Aũnh hõõng cuõa thay ñoái tũ giaùn hoái ñoái quy ñ	61	-	-
7.Tieàn vaø tõøng ñõng tieàn toàn cuoái kì (70=50+60)	70	12,766,444,035	16,858,687,030

Ngõõøi laäp bieäu

Keá toaùn trõõõng

Toãng giaùn ñoác

Traàn Thõ Myõ Hãĩnh

Nguyễn Minh Hàèng

Nguyễn AÃn

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Nhà chæ: 236/7 Nguyễn Văn Lôiing,Q.Gøø Vaáp

**BAÙ CAÙ LỒU CHUYEÁN TIEÀN TEÄ HỒIP NHAÁT**

(Daing ñaày ñuú)  
(Theo phõng pháp giaùn tieáp)

**QUYÙ III NAÊM 2009**

CHÆ TIEÄU	Maõ soá	Thuyeát minh	Luõy keá tõø ñaàu naêm ñeán cuoái quyù naøy	Năm trước
1	2	3		
<b>I. LỒU CHUYEÁN TIEÀN TÕØ HOAÍT ÑOÄNG KINH DOANH</b>				
<b>1- Lõii nhuaån trõõuc thueá:</b>	<b>01</b>		<b>37,067,888,920</b>	<b>15,700,414,754</b>
<b>2- Nieàu chænh cho caùc khoaùn:</b>			<b>7,596,331,588</b>	<b>3,747,068,250</b>
- Khaáu hao tæi saùn coá ñõnh	02		7,105,187,634	9,021,872,172
- Caùc khoaùn ðõi phõng	03		-	794,575,000
- Laõi, loá cheånh leách tæ giaù hoái ñoài chõa thõic hieån	04		-	-
- Laõi, loá tõø hoaít ñoäng ñaàu tõ	05		(478,498,942)	(8,831,964,729)
- Chi phí laõi vay	06		969,642,896	2,762,585,807
<b>3- Lõii nhuaån tõø hoaít ñoäng kinh doanh trõõuc nhõõng thay ñoái voán lõu ñoäng</b>	<b>08</b>		<b>44,664,220,508</b>	<b>19,447,483,004</b>
- Taêng giaùm caùc khoaùn phaõi thu	09		(14,803,060,795)	(29,396,462,023)
- Taêng giaùm haøng toà kho	10		311,885,889	4,398,120,805
- Taêng giaùm caùc khoaùn phaõi traù	11		(6,486,180,660)	3,510,646,056
- Taêng giaùm chi phí traù trõõuc	12		(629,397,819)	(1,629,023,664)
- Tieàn laõi vay ñaõ traù	13		(969,642,896)	(2,762,585,807)
- Thueá thu nhaáp doanh nghieáp ñaõ noáp	14		(8,843,449,193)	(1,685,753,271)
- Tieàn thu khauïc tõø hoaít ñoäng kinh doanh	15		-	3,025,265,637
- Tieàn chi khauïc tõø hoaít ñoäng kinh doanh	16		(2,244,837,442)	(15,890,309,617)
<b>Lõu chuyeån tieàn thuaàn tõø hoaít ñoäng kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10,999,537,592</b>	<b>(20,982,618,880)</b>
<b>II. LỒU CHUYEÁN TIEÀN TÕØ HOAÍT ÑOÄNG NAÀU TÕ</b>				
1- Tieàn chi ñeá mua saém, xaáy ðõing TSCN	21		(11,077,427,285)	(14,154,472,649)
2- Tieàn thu tõø thanh lý, nhõõing baùn TSCN	22		47,761,904	15,854,380,363
3- Tieàn chi cho vay, mua caùc coäng cuí ñõi cuõa ñõn vò khauïc	23		-	-
5- Tieàn chi ñaàu tõø goùp voán vaø caùc ñõn vò khauïc	25		-	(11,227,400,000)
6- Tieàn thu hoái ñaàu tõø goùp voán vaø caùc ñõn vò khauïc	26		-	2,107,280,000
7- Tieàn thu laõi cho vay, coá tõuc vaø lõii nhuaån ñõõic chia	27		472,804,000	59,745,000
<b>Lõu chuyeån tieàn thuaàn tõø hoaít ñoäng ñaàu tõ</b>	<b>30</b>		<b>(10,546,861,381)</b>	<b>(7,360,467,286)</b>
<b>III. LỒU CHUYEÁN TIEÀN TÕØ HOAÍT ÑOÄNG TAØI CHINH</b>				
1- Tieàn thu phaùt haønh coá phieáu, nhaån voán goùp cuõa chuú sõu hõõu, baùn coá phieáu quyõ	31		-	-
2- Tieàn chæ traù voán goùp cho caùc chuú sõu hõõu, mua laõi coá phieáu cuõa doanh nghieáp ñaõ phaùt haønh	32		-	(55,000,000)
3- Tieàn vay ngaén haïn, daõi haïn nhaån ñõõic	33		100,758,604,904	132,483,961,069
4- Tieàn chi traù ñõi goác vay	34		(101,608,240,401)	(121,738,785,323)
6- Coá tõuc, lõii nhuaån ñaõ traù cho chuú sõu hõõu	36		(5,319,012,600)	(5,136,122,700)
<b>Lõu chuyeån tieàn thuaàn tõø hoaít ñoäng taøi ching</b>	<b>40</b>		<b>(6,168,648,097)</b>	<b>5,554,053,046</b>
<b>Lõu chuyeån tieàn thuaàn trong kì</b>	<b>50</b>		<b>(5,715,971,886)</b>	<b>(22,789,033,120)</b>
<b>Tieàn vaø tõõng ñõõng tieàn toà ñaàu kì</b>	<b>60</b>		<b>18,482,415,921</b>	<b>39,647,720,150</b>
Aùnh hõõing cuõa thay ñoái tyù giaù hoái ñoài quy ñoài ngoaõi	61		-	-
<b>Tieàn vaø tõõng ñõõng tieàn toà cuoái kì</b>	<b>70</b>		<b>12,766,444,035</b>	<b>16,858,687,030</b>

Ngõõõi laáp bieäu

Keá toàun trõõung

Toàng giaùm ñoác

Tràøn Thõ Myõ Haïn

Nguyễn Minh Haèng

Nguyễn AÃN

Nhân vò: Công ty Cổ Phần SX-TM May Sài Gòn  
236/7 Nguyễn Văn Lũing P17, Q.Gø Vaáp

## BAÙNG CAÂN NŌAI KEÁ TOÀUN HŌIP NHAÁT GIŌŌA NIEÂN NŌÁ

(DAÏNG NĀAY NŪŪ )

QUYŪ III / 2009

Tài ngàoy 30 tháng 06 năm 2009

Số TT	Tài saùn	Mã số	Thuyéat minh	Số ñàu năm	Số cuái kyø
1	2	3			
<b>A</b>	<b>Tài saùn lŏu ñoàng vao ñàu tŏ ngáen haïn</b>	<b>100</b>		<b>92,676,624,152</b>	<b>105,112,526,179</b>
<b>I</b>	<b>Tièan</b>	<b>110</b>		<b>18,482,415,921</b>	<b>12,766,444,035</b>
1	Tièan	111	V.01	18,482,415,921	12,766,444,035
2	Cauc khoaùn tŏng ñông tièan	112		-	-
<b>II</b>	<b>Cauc khoaùn ñàu tŏ tài chính ngáen haïn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>20,000,000</b>	<b>10,000,000</b>
1	Ñàu tŏ chŏng khoaùn ngáen haïn	121		20,000,000	10,000,000
2	Đŏi phŏng giãum giãu ñàu tŏ ngáen haïn	129		-	-
<b>III</b>	<b>Cauc khoaùn phaúi thu</b>	<b>130</b>		<b>24,523,373,564</b>	<b>45,049,585,604</b>
1	Phaúi thu cuía khaùch haøng	131		18,723,509,281	34,330,894,451
2	Traù trŏduc cho ngŏđi baùn	132		5,307,280,325	6,883,293,216
3	Phaúi thu noái boã	133		-	-
4	Phaúi thu theo tièan ñŏa keá hoaiç hŏip ñoàng xay d	134		-	-
5	Cauc khoaùn phaúi thu khaùc	135	V.03	492,583,958	3,835,397,937
6	Đŏi phŏng cauc khoaùn phaúi thu khaùc ñŏi	139		-	-
<b>IV</b>	<b>Haøng toãn kho</b>	<b>140</b>		<b>44,975,740,355</b>	<b>44,663,854,466</b>
1	Haøng toãn kho	141	V.04	44,975,740,355	44,663,854,466
2	Đŏi phŏng giãum giãu haøng toãn kho	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài saùn ngáen haïn khaùc</b>	<b>150</b>		<b>4,675,094,312</b>	<b>2,622,642,074</b>
1	Chi phí traù trŏduc ngáen haïn	151		-	52,422,472
2	Thueá GTGT ñŏđic khaùc trŏ	152		3,598,635,821	2,301,621,095
3	Thueá vao cauc khoaùn phaúi thu Nhaø Nŏduc	154	V.05	-	-
4	Tài saùn ngáen haïn khaùc	158		1,076,458,491	268,598,507
<b>B</b>	<b>Tài saùn đái haïn</b>	<b>200</b>		<b>93,278,841,303</b>	<b>93,252,360,929</b>
<b>I</b>	<b>Cauc khoaùn phaúi thu đái haïn</b>	<b>210</b>		<b>25,728,361</b>	<b>25,728,361</b>
1	Phaúi thu đái haïn cuía khaùch haøng	211		25,728,361	25,728,361
2	Voãn kinh doanh ñu cauc ñŏn vŏ trŏic thuoác	212		-	-
3	Phaúi thu đái haïn noái boã	213	V.06	-	-
4	Phaúi thu đái haïn khaùc	218	V.07	-	-
<b>5</b>	<b>Đŏi phŏng phaúi thu đái haïn khaùc ñŏi</b>	<b>219</b>		-	-
<b>II</b>	<b>Tài saùn coá ñŏnh</b>	<b>220</b>		<b>78,535,998,390</b>	<b>73,533,892,669</b>
1	Tài saùn coá ñŏnh hŏđ hinh	221	V.08	56,002,763,369	61,504,201,760
	- Nguyễn giãu	222		114,468,261,368	126,571,868,402
	- Giãu trŏ hao mŏn luŏy keá	223		(58,465,497,999)	(65,067,666,642)
2	Tài saùn coá ñŏnh theá tài chính	224	V.09	-	-
	- Nguyễn giãu	225		-	-
	- Giãu trŏ hao mŏn luŏy keá	226		-	-
3	Tài saùn coá ñŏnh voã hinh	227	V.10	-	-
	- Nguyễn giãu	228		10,000,000	10,000,000
	- Giãu trŏ hao mŏn luŏy keá	229		(10,000,000)	(10,000,000)
4	Chi phí xay dŏing cŏ baùn đŏđ dang	230	V.11	22,533,235,021	12,029,690,909
<b>III</b>	<b>Baát ñoàng saùn ñàu tŏ</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	-	-
	- Nguyễn giãu	241		-	-
	- Giãu trŏ hao mŏn kuŏy keá	242		-	-
<b>IV</b>	<b>Cauc khoaùn ñàu tŏ tài chính đái haïn</b>	<b>250</b>		<b>13,936,250,000</b>	<b>18,344,500,000</b>
1	Ñàu tŏ vao công ty con	251		-	-
2	Ñàu tŏ vao công ty liên keát, liên doanh	252		-	4,341,000,000
3	Ñàu tŏ đái haïn khaùc	258	V.13	16,867,350,000	16,934,600,000
4	Đŏi phŏng giãum giãu chŏng khoaùn ñàu tŏ đái h	259		(2,931,100,000)	(2,931,100,000)
<b>V</b>	<b>Tài saùn đái haïn khaùc</b>	<b>260</b>		<b>780,864,552</b>	<b>1,348,239,899</b>
1	Chi phí traù trŏduc đái haïn	261	V.14	520,462,605	1,097,437,952
2	Tài saùn theá thu nhaáp hoãn lãi	262	V.21	-	-
3	Tài saùn đái haïn khaùc	268		260,401,947	250,801,947
				-	-
	<b>Toãng công tài saùn</b>	<b>250</b>		<b>185,955,465,455</b>	<b>198,364,887,108</b>

Soá TT	Tại saùn	Maõ soá	Thuyeat minh	Soá ñaàu naêm	Soá cuoái kyø
1	2	3			
	<b>Nguồn vốn</b>			-	-
<b>A</b>	<b>Nội phải trả</b>	<b>300</b>		<b>73,231,906,447</b>	<b>65,025,261,626</b>
<b>I</b>	<b>Nội ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72,798,481,642</b>	<b>64,940,015,920</b>
1	Vay vạc nội ngắn hạn	311	V.15	23,198,495,331	21,866,001,271
2	Phải trả cho người bán	312		19,229,002,797	20,767,963,983
3	Người mua trả tiền trước	313		11,046,116,989	2,632,994,353
4	Thuê vạc các khoản phải nộp thuế	314	V.16	4,208,861,196	1,979,408,196
5	Phải trả công nhân viên	315		6,654,069,415	15,818,983,090
6	Chi phí phải trả	316	V.17	255,624,756	1,308,291,390
7	Phải trả ngoài báo	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	8,206,311,158	566,373,637
				-	-
<b>II</b>	<b>Nội dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>433,424,805</b>	<b>85,245,706</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2	Phải trả dài hạn ngoài báo	322	V.19	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4	Vay dài hạn	324	V.20	-	-
5	Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	325	V.21	-	-
6	Đổi phương trừ cấp phát lãi	336		433,424,805	85,245,706
				-	-
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>112,723,559,008</b>	<b>133,339,625,482</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>110,077,554,380</b>	<b>133,080,487,230</b>
1	Vốn nhà đầu tư của chủ sở hữu	411		46,694,970,000	88,685,710,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		47,990,911,925	5,765,652,370
3	Cổ phiếu ngân quỹ	413		(88,750,000)	(88,750,000)
4	Cheán lệch giữa lãi tại saùn	414		-	-
5	Cheán lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6	Quỹ nhà đầu tư phát triển	416		12,668,972,257	15,624,492,134
7	Quỹ đổi phương tại chính	417		2,730,049,318	2,730,049,318
8	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
9	Lỗi nhuan chờ phân phối	419		81,400,880	20,363,333,408
				-	-
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>420</b>		<b>2,646,004,628</b>	<b>259,138,252</b>
1	Quỹ khen thưởng vạc phúc lợi	421		2,646,004,628	259,138,252
2	Nguồn kinh phí	422	V.23	-	-
3	Nguồn kinh phí ñã hình thành TSCN	423		-	-
				-	-
	<b>Tổng công nguồn vốn</b>	<b>430</b>		<b>185,955,465,455</b>	<b>198,364,887,108</b>

Laáp, Ngày 16 tháng 10 năm 2009

Người lập báo

Kế toán trưởng

**Tổng giám đốc**

Traàn Thò My Hainh

Nguyeãn Minh Haèng

Nguyeãn AÃn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Quý III - Năm 2009

#### I. NẶC NẶM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Ngành nghề kinh doanh Công nghiệp may, công nghiệp dệt vải, kinh doanh vải vóc, may mặc thiết bị và nguyên phụ liệu phục vụ ngành may. Công nghiệp dệt len các loại. Môi giới thông mại, nhà tổ kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng của hàng. Kinh doanh nhào. Dịch vụ giặt tẩy. Cho thuê nhào xống. Tổ vận quản lý kinh doanh.

4. Tổng số CNV : 2,598  
Trong đó nhân viên quản lý 326

5. Tổng số các công ty con:

+ Số lượng các công ty con được hợp nhất: Một

6. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May TaAn Mỹ

Nhà chæ : Củm CN - TTCN Haéc Dòch

Aáp Trúng càu, Xaõ Haéc Dòch, Huyeãn Taãn Thaznh, BR- VT

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 100%

- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

#### II. NIÊN ĐOÃ KẾ TOÁN, NỘN VỘ TIỀN TẾ SỘ DỨNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên đõ kế toán : Tõz ngay 01/01/2009 ãn 31/12/2009

2. Nộn vộ tiền tế sộ dựng trong ghi chép kế toán : ãng Vieät Nam

#### III. CHUẨN MỖC VÀO CHẾ ĐOÃ KẾ TOÁN AÙP DỨNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Chế đõ kế toán áp dụng : công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo QN số 15/2006/QN-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và được bổ sung sửa đổi phù hợp theo các thông tư hướng dẫn của Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: nhật ký chung

#### IV. CÁO CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN AÙP DỨNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát.

1.1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương ứng từng khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:

+ Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;

+ Lợi ích của cổ đông thiểu số;

+ Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;

+ Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;

+ Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công

ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
  - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
  - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
  - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

**1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương trên các báo cáo này.

**4. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các tài khoản ngoại tệ:** theo tỷ giá hối đoái của ngân hàng thông mại tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ

**5. Phương pháp ghi nhận hàng toàn kho:**

- Nguyên tắc nhận hàng: hàng toàn kho ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp xác định hàng tồn kho: Giá bình quân giá ưu tiên
- Phương pháp hạch toán hàng toàn kho: kê khai thông thường

**6. Phương pháp kế toán tài sản cố định và bất động sản hữu hình:**

- Nguyên tắc nhận hàng: tài sản cố định và bất động sản hữu hình: theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế
- Phương pháp khấu hao: phương pháp khấu hao thẳng

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ tài chính:**

- Các khoản nợ tài chính và nợ công ty liên kết, các khoản nợ ngắn hạn: được nhận hàng theo một cách chính xác và được xác định cách đáng tin cậy

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:**

Chi phí có liên quan đến nhiều niên độ kế toán được ghi nhận tại thời điểm nhận có bằng chứng chắc chắn về số phát sinh chi phí và được kết chuyển vào các niên độ liên quan

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí được ghi nhận tại thời điểm nhận có bằng chứng phát sinh chi phí không chờ chi tiền

**10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu được nhận hàng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho mua và có sự đảm bảo nhận được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng

**11. Thông tin khác:**

Keát quả kinh doanh quý 3/2009 tăng 150.96% so với quý 2/2009 là do:

- Quý 3/2009 là thời gian cao nhất xuất hàng của mua Thu Ngân nên các chi tiêu sản xuất kinh doanh đều tăng tổng cộng
- Ngược lại doanh thu hoạt động tài chính tăng 65.76% so với quý 2/2009 do công ty đã ghi nhận 10 tỷ lợi nhuận công lãi từ việc chuyển nhượng vốn của công ty TNHH Hải Thành Hải Phòng.

Tổn thất yếu tố trên đã góp phần cho kết quả kinh doanh của Quý 3/2009 tăng hơn so với quý 2/2009.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BẢNG CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Tiền và các khoản tổng nợ tài chính:	USD	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Tiền mặt:		107,358,681	639,631,456
- Tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:		12,659,085,354	17,842,784,465
<b>Cộng:</b>	<b>-</b>	<b>12,766,444,035</b>	<b>18,482,415,921</b>
<b>2. Các khoản nợ tài chính ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>10,000,000</b>	<b>20,000,000</b>
- Mua trái phiếu chính phủ		10,000,000	20,000,000

<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	-	<b>3,835,397,937</b>	<b>492,583,958</b>
Tiền công nhân mướn			1,000,000
Tạm ứng thuê nguyên vật liệu thô, thuê nhập khẩu	165,345,423		276,398,094
Chi phí thám dò giếng dầu quyền sở hữu giếng 107 Trà Ôn Hồng Hải			20,000,000
Chi phí thuê hồi trồi, pho tạci liệu, thô môi nãi hồi coả giếng			134,519,555
Ứng lương cho công nhân			60,666,309
Chi phí thuê nãi tãi Củm CN Hác Dòch	3,670,052,514		
<b>4. Hàng tồn kho :</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Nguyên liệu, vật liệu, phải tương, hòa chất :		20,420,048,501	19,086,740,592
- Công cụ, dụng cụ, bao bì:		2,520,379,360	1,661,734,097
- Thành phẩm:		21,723,426,605	24,227,265,666
- Hàng cho các đơn vị khác gia công lại			
<b>Công giá gốc hàng tồn kho:</b>	-	<b>44,663,854,466</b>	<b>44,975,740,355</b>

**5. Thuế và các khoản phải thu Thuế Nổc :**

**6. Phải thu dài hạn ngoài**

**7. Phải thu dài hạn khác :**

**8. Tặng giảm tài sản có hình:**

Khoản mục	Nhợ của	MMTB	PTVT	TBDC quản lý	Toảng công
<b>Nguyên giá TSCN hình:</b>					
- Số đầu năm	64,431,792,411	42,371,445,295	3,933,777,259	3,731,246,403	114,468,261,368
- Mua trong năm	3,674,012,894	7,512,076,295	1,083,691,667	378,912,131	12,648,692,987
- Nào từ XDCB hoặc thành					-
- Thanh lý những (K/C công xout cao thang		332,280,553	212,805,400		545,085,953
- Số đầu cuối năm	68,105,805,305	49,551,241,037	4,804,663,526	4,110,158,534	126,571,868,402
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
- Số đầu năm:	23,163,589,930	29,047,830,607	3,381,328,600	2,872,748,862	58,465,497,999
- Khấu hao trong năm	2,780,228,107	3,838,828,687	97,636,923	388,493,917	7,105,187,634
- Thanh lý những		332,280,553	170,738,438		503,018,991
- Số đầu cuối năm	25,943,818,037	32,554,378,741	3,308,227,085	3,261,242,779	65,067,666,642
<b>Giá trị còn lại:</b>					
- Tài nguyên năm	41,268,202,481	13,323,614,688	552,448,659	858,497,541	56,002,763,369
- Tài nguyên cuối quý	42,161,987,268	16,996,862,296	1,496,436,441	848,915,755	61,504,201,760

\* Giá trị còn lại cuối năm của TSCN hình nào được trả, cảm có các khoản vay:

\* Nguyên giá TSCN cuối năm nào khấu hao hết những vẫn còn sở hữu:

**9. Tặng, giảm TSCN thuê tài chính : không có**

**10. Tặng, giảm TSCN vô hình:**

Khoản mục	Quyền sở hữu được	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Toảng công
<b>Nguyên giá TSCN vô hình</b>					
- Số đầu năm				-	-
- Mua, nhượng trong năm				-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh					-
- Chuyển sang XDCB theo kiểm	-				-
- Số đầu cuối năm	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
- Số đầu năm				-	-
- Khấu hao trong năm					-
- Thanh lý những					-



<b>13. Các khoản tài trợ chính dài hạn:</b>	-	<b>18,344,500,000</b>	<b>13,936,250,000</b>
<b>- Tài trợ dài hạn khác</b>		<b>16,934,600,000</b>	<b>16,867,350,000</b>
Cả phần tài trợ Cty CP đa ngành Sagoda		1,919,150,000	1,919,150,000
Tài trợ vào Cty TNHH Hải Thế Giới			200,000,000
Cả phần tại NH TM Cả phần Việt AU (cả phần thêm 26.275CP tổng cộng 267.250.000 đồng được thông tin nguồn tài trợ của NH Việt AU năm 2007)		3,688,050,000	3,420,800,000
Cả phần tài trợ Ngân Hàng Ngoại Thông Việt Nam		1,200,000,000	1,200,000,000
Cả phần tài trợ Cty CP NTPT Gia Ninh= 843.950 CP *12.000 đ/CP		10,127,400,000	10,127,400,000
<b>Tài trợ vào Cty liên kết : Cty CP Phú Mỹ</b>		<b>4,341,000,000</b>	
- Đối phương giảm giá chứng khoán tài trợ dài hạn		(2,931,100,000)	(2,931,100,000)
		Năm nay	Năm trước
<b>14- Chi phí trả trước dài hạn</b>	-	<b>1,097,437,952</b>	<b>520,462,605</b>
Số vốn cho thuê vốn cho phần bỏ công trình tại Tân Xuân		842,747,311	
Phần bỏ CCDC VP		175,880,790	394,452,005
Phần bỏ CCDC Tân Mỹ		78,809,851	126,010,600
<b>Tài sản dài hạn khác :</b>	-	<b>250,801,947</b>	<b>260,401,947</b>
+ Thuê nhà Lê Minh Xuân HN số 03/HN-TNX/LMX ngày 06/01/2003(15.727,63 \$)		249,801,947	249,801,947
+ Nhà ở công nhân gửi xe cho công nhân Tân Phú (HN ngày 04/05/04)			9,600,000
+ Kỳ quỹ niên thọ		1,000,000	1,000,000
<b>15-Các khoản vay nợ nội ngoại</b>	USD	Năm nay	Năm trước
- Vay ngắn hạn	-	<b>21,866,001,271</b>	<b>23,198,495,331</b>
<b>- Vay ngắn hạn USD</b>	-	-	<b>17,310,620,515</b>
+ NHNHCM			17,310,620,515
+ NHĐT & PTVN			
<b>- Vay ngắn hạn VND</b>		<b>21,866,001,271</b>	<b>5,887,874,816</b>
+ NH HSBC CN TPHCM		6,497,166,230	
+ NHNHCM		15,368,835,041	5,887,874,816
+ NHĐT & PTVN			
<b>16-Thuế và các khoản phải nộp Thuế Nợ</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Thuế GTGT phải nộp của Cty TNHH May Tân Mỹ		13,254,870	16,783,073
- Thuế thu nhập doanh nghiệp công phải nộp		2,010,994,578	4,148,923,895
- Thuế tài sản, khác ( Trích trước)		(61,987,370)	-
- Thuế thu nhập cá nhân		9,514,964	23,442,828
- Thuế thu nhập cá nhân không đồng ý		7,631,154	19,711,400
<b>Cộng</b>	-	<b>1,979,408,196</b>	<b>4,208,861,196</b>
<b>17- Chi phí phải trả</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí phải trả khác		<b>786,135,392</b>	-
+ Trích trước lương phép 2009 VP		682,802,531	
+ Trích trước tiền thuê nhà LMX T8/9, xử lý nợ thuế cuối kỳ/9		79,364,225	
+ Trích trước đầu DO, xăng		23,968,636	
- Chi phí phải trả hàng FOB		<b>522,155,998</b>	<b>255,624,756</b>
+ CP in giá công nhân Domyos		94,684,582	
+ Hoa hồng nộp hàng Decathlon		427,471,416	255,624,756
<b>Cộng chi phí phải trả :</b>	-	<b>1,308,291,390</b>	<b>255,624,756</b>
<b>18- Các khoản phải trả phải nộp khác</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>

+ Bảo hiểm y tế & BHXH	236,713,671	156,911,782
+ Bảo hiểm thất nghiệp	10,356,310	
+ Kinh phí công nhân	188,567,798	-
+ Lợi nhuận hỗn hợp năm 2009 chờ trả cho Năng Nguyễn	130,735,858	
+ Lợi nhuận hỗn hợp năm 2008 vùi Nguyễn Nguyễn công chờ trả		149,399,376
+ Cty CP XDCT Nã Hoàng Quang ðùng trõ ðúc tiên hãng		7,900,000,000
<b>Coãng Caùc khoaùn phaùi traù phaùi noãp khauùc</b>	<b>-</b>	<b>566,373,637</b>
		<b>8,206,311,158</b>

**19-Phaùi traù ðaøi haïn noãi boã :**

<b>20- Caùc khoaùn vay ðaøi haïn</b>	<b>USD</b>	<b>Naêm nay</b>	<b>Naêm trõ ðuc</b>
- Vay ngaân hãng NTHCM		-	-
- Vay ngaân hãng ÑT & PTVN		-	
+ Vay trung haïn			-
+ Vay ðaøi haïn			
<b>Coãng vay ðaøi haïn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

**21.Taøi saïn theá thu nhaãp hoaøn laõi vaø theá thu nhaãp hoaøn laõi phaùi traù**





22- Voán chuú sôú hõu

a-Baúng ñoái chieáu bieán ñoàng cuôa Voán chuú sôú hõu

Chi tiét	Voán gòup	Thaéng dô voán coá phaàn	Coá phieáu ngân quyô	Cheánh leäch ñaunh giaù laäi taøi saùn	Cheá nh leäch tyú giaù hoái ñoaù	Quyô ñaàu tò phaùt trieån	Quyô döi phoøng taøi chính	Quyô khaùc thuôác voán chuú sôú hõu	Lõii nhuaån sau thueá chõa phaàn phoái
Soá dô ñaàu naêm trõuóc	46,694,970,000	47,990,911,925	(1,500,000)	-	-	8,615,737,181	1,909,247,554	938,823,783	2,742,922,971
Taéng trong naêm nay			(87,250,000)						
Lõii nhuaån taéng trong naêm									17,120,750,747
Lõii nhuaån chia cho coång ty hõip taùc (Ñaéng Nguyeån)									1,793,051,214
Lõii nhuaån 2008 trích laáp quyô						3,061,991,316	820,801,764	3,061,991,315	6,944,784,395
Taéng tòø thueá thu nhaáp ñoõic mieån, giaùm 2008						991,243,760			991,243,760
Ñaõ chi quyô khen thõõung trong naêm								1,335,840,470	
Keát chuyeån giaùm nguoaøn phí sõi nghiẹp								19,000,000	
Chi Thuø lao hoái ñoàng quaùn trò									717,688,469
Phaàn coøn thõøa do khoång phaùt chi 5% coá tòuc 2007 cuôa 60 coá phieáu quyô								30,000	30,000
Chia 5% coá tòuc coøn laäi cuôa naêm 2007+15%/2008									9,335,475,000
Soá dô cuoái naêm trõuóc	46,694,970,000	47,990,911,925	(88,750,000)	-	-	12,668,972,257	2,730,049,318	2,646,004,628	81,400,880
=====									
Soá dô ñaàu naêm nay	46,694,970,000	47,990,911,925	(88,750,000)	-	-	12,668,972,257	2,730,049,318	2,646,004,628	81,400,880
Taéng trong naêm nay	41,990,740,000					-	-		
Giảm trong naêm nay		42,225,259,555							5,319,012,600
Lõii nhuaån taéng trong naêm									30,362,369,044
Taím trích lõii nhuaån chia cho coång ty hõip taùc (Ñaéng Nguyeån) naêm 2009									1,227,836,482
Lõii nhuaån 2008 trích laáp quyô						-			-
Taím taéng tòø thueá thu nhaáp ñoõic mieån, giaùm 2009 do DN nieãm yeát treån saøn GDCK trõuóc ngaøy 1/1						2,955,519,877			2,955,519,877
Ñaõ chi quyô khen thõõung trong naêm								2,386,866,376	
Keát chuyeån giaùm nguoaøn phí sõi nghiẹp									
Chi khen thõõung HNQT vaø CBCC; thuø lao hoái ñoàng quaùn trò 2009									578,067,557
Thuéa VAT khoång ñoõic hoæøn									
Chia coá phieáu thõõung									
Phaàn coøn thõøa do khoång phaùt chi 5% coá tòuc 2007 cuôa 60 coá phieáu quyô									-
Chia 5% coá tòuc coøn laäi cuôa naêm 2007+15%/2008						-			
Soá dô cuoái naêm nay	88,685,710,000	5,765,652,370	(88,750,000)	-	-	15,624,492,134	2,730,049,318	259,138,252	20,363,333,408



**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chi tiết	Năm nay			Năm trước		
	Toảng số	Vốn cổ phần thông	Vốn cổ phần ưu hưu	Toảng số	Vốn cổ phần thông	Vốn cổ phần ưu hưu
Vốn đầu tư của Nhà nước	5,093,494,000	5,093,494,000		4,672,930,000	4,672,930,000	
Vốn góp (cổ phiếu, thanh vi)	83,592,216,000	83,592,216,000		42,022,040,000	42,022,040,000	
Thặng dư vốn cổ phần	5,765,652,370	5,765,652,370		47,990,911,925	47,990,911,925	
Cổ phiếu ngân quỹ	(88,750,000)	(88,750,000)		(88,750,000)	(88,750,000)	
<b>Cộng</b>	<b>94,362,612,370</b>	<b>94,362,612,370</b>	<b>-</b>	<b>94,597,131,925</b>	<b>94,597,131,925</b>	<b>-</b>

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

-

	Năm nay	Năm trước
	-	

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	46,694,970,000	46,694,970,000
+ Vốn góp tăng trong năm	41,990,740,000	
+ Vốn góp giảm năm		
+ Vốn góp cuối năm	88,685,710,000	46,694,970,000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	5,319,012,600	9,335,475,000

**d- Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:	6%	15%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thông:	6%	15%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức cổ phiếu ưu đãi chưa được ghi nhận :		

**ñ- Cổ phiếu:**

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phát hành	8,868,571	4,669,497
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầu tư	8,868,571	4,669,497
+ Cổ phiếu thông	8,868,571	4,669,497
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3,550	3,550
+ Cổ phiếu thông	-	3,550
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,865,021	4,665,947
+ Cổ phiếu thông	8,865,021	4,665,947
+ Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 VNĐ

**e- Quy định khấu trừ vốn chủ sở hữu**

- Quỹ đầu tư phát triển	-	15,624,492,134	12,668,972,257
- Quỹ đổi phương tài chính	-	2,730,049,318	2,730,049,318

\* Mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ đổi phương tài chính và quỹ khấu trừ vốn chủ sở hữu

**g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn kế toán**

23- Nguồn kinh phí	Năm Nay	Năm trước
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	
- Chi số nghiệp	-	
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-	-

**24- Tài sản thuê ngoài**

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

		USD	Năm Nay	Năm trước
<b>25 - Tổng doanh thu</b>	-	<b>14,434,432.08</b>	<b>262,310,788,797</b>	<b>424,685,733,542</b>
+ Doanh thu bán hàng:		14,434,432.08	262,014,271,228	421,951,736,423
Trong đó : Doanh thu xuất khẩu FOB		13,836,639.93	244,869,025,399	328,940,628,772
Doanh thu xuất khẩu CMP		597,792.15	10,513,438,342	72,658,189,185
Doanh thu nội địa			6,631,807,487	20,352,918,466
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ :	-		296,517,569	2,733,997,119
<b>26 - Các khoản giảm trừ ( 04+05+06+07)</b>	-	<b>12,743.87</b>	<b>224,882,546</b>	<b>394,591,978</b>
+ Chiết khấu			-	
+ Giảm giá (Doanh thu xuất khẩu FOB)		11,153.38	197,074,419	266,986,652
+ Giảm giá (Doanh thu xuất khẩu CMP)		1,590.49	27,808,127	124,530,645
+ Giảm giá (Doanh thu nội địa)			-	3,074,681
+ Hàng bán bỏ trả lại			-	
<b>27- Doanh thu thuần</b>	-	<b>-</b>	<b>262,085,906,251</b>	<b>424,291,141,564</b>
Trong đó + Doanh thu bán hàng			261,789,388,682	421,557,144,445
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ			296,517,569	2,733,997,119
<b>28-Giảm vốn hàng bán</b>	-	<b>-</b>	<b>199,565,095,608</b>	<b>312,985,806,684</b>
- Giảm vốn thanh phẩm, đã cung cấp			199,380,378,843	312,412,584,759
- Giảm vốn dịch vụ đã cung cấp			184,716,765	573,221,925
<b>29- Doanh thu hoạt động tài chính</b>	-	<b>-</b>	<b>22,760,250,295</b>	<b>7,672,267,843</b>
- Lợi tiền gửi, tiền cho vay			121,100,982	931,319,924
- Lợi bán cổ phần nào tổ vào các công ty khác			-	1,247,420,000
- Cổ tức nội 1&2 năm 2007 nộp chia từ Quản 8			-	37,770,000
- Cổ tức năm 2007 nộp chia từ Sagoda			-	21,975,000
- Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh, chuyển nhượng vốn			20,506,620,000	
- Cổ tức nội 1 năm 2008 nộp chia từ NHNT HCM			7,000,000	
- Cổ tức năm 2008 nộp chia từ Cty CP NT PT Gia Nhon			421,975,000	
- Cổ tức năm 2008 =43.829.000đ, cổ phiếu thưởng nộp chia từ nguồn thặng dư vốn 2007 = 267.250.000đ của NH Việt ÁU			311,079,000	213,800,000
- Lợi chênh lệch tỷ giá			1,392,475,313	5,219,982,919
<b>* - Thu nhập khác:</b>	-	<b>-</b>	<b>47,761,904</b>	<b>16,824,112,972</b>
Thanh lý TSCN năm 2007, tiền hàng không phải thanh toán cho khách hàng			-	4,170,336
Thanh lý TSCN			47,761,904	47,090,909
Thu tiền nên mua vật kiến trúc tại 107 Trần Hưng Hải			-	7,681,942,636
Thu tiền giải trừ thông quyền tại 107 Trần Hưng Hải			-	9,090,909,091
<b>30- Chi phí tài chính</b>	-	<b>-</b>	<b>5,042,476,708</b>	<b>11,604,666,496</b>
- Lợi tiền vay	-		969,642,896	2,722,341,336
- Lợi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện			4,072,833,812	5,951,225,160
- Lợi chênh lệch tỷ giá chờ thực hiện			-	-
- Chi phí đổi phương giảm giá chứng khoán			-	2,931,100,000
<b>*- Chi phí khác</b>	-	<b>-</b>	<b>42,066,962</b>	<b>7,022,415,634</b>
- Chi phí thanh lý máy			42,066,962	41,086,658
- Chi phí thanh lý tài sản cố định trên mặt đất tại 107 Trần Hưng Hải				6,981,328,976
			-	

<b>31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>Naêm Nay</b>	<b>Naêm trôôùc</b>
<b>31.1. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>6,705,519,876</b>	<b>4,967,383,773</b>
<b>a. Tổng lỗ lãi thuần kế toán trước thuế</b>	-	37,067,888,920
Chi phí khoảng hồi lại	-	329,155,218
Trợ phần thu nhập của XNK Quaãn 8	-	37,770,000
Trợ phần cổ tức năm 2007 nộp thuế nhân tố Sagoda	-	21,975,000
Trợ phần cổ tức năm 2008 nộp thuế nhân tố NHNT HCM	-	7,000,000
Trợ phần cổ tức năm 2007 nộp thuế nhân tố Việt Á	-	43,829,000
Trợ phần thu nhập của Ngân Nguyễn	-	1,227,836,482
Trợ phần thu nhập của Cty CP NT PT Gia Nòn	-	421,975,000
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá năm trước	-	1,102,876,866
Laõ do ñaánh giá lại công ñi vaọ tiền gửi có góc ngoài tẹ	-	1,102,685,499
<b>b. Lãi thuần chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>38,644,159,011</b>
Trong ñoù :+ Lãi thuần nộp thuế nhân tố		(1,683,680,000)
+ Lãi thuần nộp thuế nhân tố chuyển nhượng 10% vốn điều lệ tại Cty TNHH TM Đại thế Giới:	15,000,000,000	9,791,522,751
+ Lãi thuần nộp thuế nhân tố hoạt động sản xuất kinh doanh	-	23,644,159,011
	-	
<b>c. Thuế TNDN của SXKD phải nộp tính theo thuế suất 25%(C1 + C2 )</b>	<b>6,705,519,876</b>	<b>4,967,383,773</b>
C1- Thuế TNDN nộp thuế nhân tố phải nộp cho hoạt động SXKD (1-2 )	2,955,519,876	1,039,242,948
- Thuế thu nhập của hoạt động SXKD tính theo thuế suất 25%	5,911,039,753 (1)	
23,644,159,011 *25%		
- Tạm tính giảm 50% thuế TNDN do Cty niêm yết trên sàn giao		
dịch chứng khoán trước ngày 1/1/2007	2,955,519,877 (2)	
C2- Thuế TNDN từ chuyển nhượng 10% vốn điều lệ tại Cty TNHH TM Đại Thế Giới	3,750,000,000	3,928,140,825
- Thu nhập chịu thuế 25% :	3,750,000,000	
<b>31.2. Năm chênh thuế thu nhập hiện hành năm trước tính vào chi phí thuế</b>		<b>9,785,544</b>
Công ty chưa trích bổ sung số thuế TNDN bổ sung năm 2007,2008 theo công văn số 3907/CT-TTHT ngày 21/05/2009 và công văn số 14102/TC ngày 06/10/2009 của Tổng Cục Thuế		
<b>31.3. Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>6,705,519,876</b>	<b>4,977,169,317</b>
<b>32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
<b>33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Naêm Nay</b>	<b>Naêm trôôùc</b>
- Nguyễn liệu	90,680,433,586	131,586,090,896
- Thuế liệu, nhân liệu	42,124,246,433	66,392,995,875
- Thuế tương thay thế	641,334,510	1,926,357,316
- Hoàn chaát	-	85,105,632
- Công cụ	843,327,253	740,830,215
- Bao bì	7,100,646	24,072,666
- Chi phí nhân công	56,285,083,480	91,946,840,500
-Chi phí khấu hao tài sản cố ñi	4,153,558,309	2,807,995,673
- Chi phí ñoch vủ mua ngoài	3,740,931,572	16,702,006,189
-Chi phí ñiền tiền khấu	1,089,079,819	773,511,722
<b>Công</b>	<b>-</b>	<b>199,565,095,608</b>
		<b>312,985,806,684</b>

==

Г - CS

---

---

**VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo Lưu chuyển tiền tệ**

**VII. Những thông tin khác:**

1.- Những khoản nội tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác

2.- Thông tin so sánh

3.- Những thông tin khác

---

Ngõõøi lääp bieâu

Keá toaùn trööüõg

Laäp, Ngæøý 16 thaùng 10 naêm 2009  
**Toång Giaùm Ñóác**

Traàn Thò Myõ Haïnh

Nguyeãn Minh Haèng

Nguyeãn Ân